

Định kiến xã hội về người cao tuổi trong bối cảnh già hóa dân số ở Việt Nam

Đặng Thị Ánh Tuyết*, Vũ Thái Hạnh**

Nhận ngày 27 tháng 4 năm 2022. Chấp nhận đăng ngày 29 tháng 9 năm 2022.

Tóm tắt: Già hóa dân số đang diễn biến nhanh ở nước ta, số lượng người cao tuổi (NCT) chiếm tỷ lệ ngày càng cao trong cơ cấu dân số. Đảng, Nhà nước có rất nhiều chỉ thị, Nghị quyết về NCT và đặc biệt là Luật NCT hướng đến chăm sóc, bảo vệ và phát huy tính tích cực của NCT. Tuy nhiên, các định kiến về NCT đã ngăn cản NCT phát huy tính tích cực của mình. Nghiên cứu này khảo sát các mức độ đồng tình với các định kiến khác nhau về NCT tại thành phố Hải Phòng; qua đó, kiến nghị một số chính sách giảm thiểu định kiến NCT trong bối cảnh già hóa dân số ở nước ta.

Từ khóa: Chủ nghĩa tuổi tác, người cao tuổi, định kiến xã hội về người cao tuổi.

Phân loại ngành: Xã hội học

Abstract: Aging is happening rapidly in Vietnam, the number of elderly people accounts for an increasing proportion in the population structure. The Party and State have many directives and resolutions on the elderly and especially the Law on the Elderly aimed at taking care of, protecting and promoting the activeness of the elderly. However, prejudices about the elderly have prevented the elderly from promoting their positivity. This study investigates the levels of agreement with different stereotypes about the elderly in Hải Phòng city. Thereby, it proposes a number of policies to reduce prejudice against the elderly in the context of aging population in Vietnam.

Keywords: Ageism, the elderly, prejudice against the elderly.

Subject classification: Sociology

1. Đặt vấn đề

Già hóa dân số là một trong những biến đổi nhân khẩu lớn nhất trên thế giới hiện nay. Khu vực Đông Nam Á và Đông Á, trong đó có Việt Nam, đang trải qua thời kỳ già hóa dân số với tốc độ chưa từng thấy từ trước tới nay. Dự báo đến năm 2030, NCT Việt Nam chiếm 17%, và năm 2050 là 25% dân số. Nếu như các nền kinh tế phát triển mất vài thập kỷ, thậm chí hàng thế kỷ, để chuyển từ giai đoạn già hóa dân số sang giai đoạn dân số già thì Việt Nam chỉ mất 22 năm (Hiều Giang, 2017). Theo kết quả Tổng điều tra dân số và nhà ở tháng 4/2019 của Tổng cục Thống kê, cả nước có khoảng 11,4 triệu NCT, chiếm khoảng 11,86% dân số. Tuổi thọ trung bình của người Việt Nam là 73,6 tuổi; trong đó, tuổi thọ của nam giới là 71,0 tuổi, của nữ giới là 76,3 tuổi. Từ năm 1989 đến nay, tuổi thọ trung bình của Việt Nam liên tục tăng, từ 65,2 tuổi năm 1989 lên 73,6 tuổi năm 2019.

Với số lượng NCT tăng nhanh trong cơ cấu dân số, chúng ta cần nhìn nhận đây là một nguồn lực, có thể đóng góp cho phát triển kinh tế, xã hội, thay vì là gánh nặng. Tuy nhiên, định kiến NCT đã ngăn cản NCT tham gia xã hội, thụ hưởng các quyền chính đáng của mỗi cá nhân. Nhóm tác giả thực hiện khảo sát mức độ đồng tình với các định kiến cả tích cực và tiêu cực về NCT qua nghiên cứu trường hợp tại thành phố Hải Phòng. Với quan điểm dân số là yếu tố quan trọng hàng đầu trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước, Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới nhấn mạnh:

*** Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh
Email: quanlyvienxahoihoc@gmail.com

tiếp tục chuyển trọng tâm chính sách dân số từ kế hoạch hóa gia đình sang dân số và phát triển. Công tác dân số phải chú trọng toàn diện các mặt quy mô, cơ cấu, phân bố, đặc biệt là chất lượng dân số và đặt trong mối quan hệ hữu cơ với các yếu tố kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh, bảo đảm phát triển nhanh và bền vững. Trung ương Đảng cho rằng, đầu tư cho công tác dân số là đầu tư cho phát triển. Theo đó, chúng ta chú trọng hơn đến chất lượng dân số và đóng góp của mọi người dân, trong đó có NCT, vào quá trình xây dựng và phát triển đất nước và đảm bảo mọi người dân đều có cơ hội thụ hưởng các thành tựu của phát triển, không để ai bị bỏ lại phía sau.

2. Chủ nghĩa tuổi tác và định kiến xã hội về người cao tuổi

Chủ nghĩa tuổi tác (CNTT) được coi là cơ sở quan trọng định hình các định kiến xã hội về NCT (Theo Luật Người cao tuổi, NCT được quy định là công dân Việt Nam từ đủ 60 tuổi trở lên đối với cả nam và nữ). Mặc dù, chủ nghĩa tuổi tác có thể hướng đến mọi lứa tuổi từ trẻ em, người trưởng thành đến NCT, nhưng các tác động đến việc định hình các quan niệm, thái độ và phân biệt đối xử với NCT rất rõ nét. Các nghiên cứu trong tổng quan cũng cho thấy các định kiến và tác động tiêu cực đến NCT.

CNTT được định nghĩa là “định kiến tiêu cực hoặc tích cực, thành kiến và/ hoặc phân biệt đối xử đối với (hoặc có lợi cho) NCT dựa trên trình tự thời gian của họ, tuổi hoặc dựa trên nhận thức về họ là ‘già’ hoặc ‘cao tuổi’” (Iversen et al, 2009: 4). CNTT có thể được hiểu ngầm hoặc rõ ràng và có thể được thể hiện trên cấp độ vi mô, trung bình hoặc vĩ mô. Định nghĩa này nhấn mạnh các khía cạnh thành phần tâm lý xã hội cổ điển (nhận thức, tình cảm và hành vi) và ý thức, các khía cạnh vô thức, nhấn mạnh ý nghĩa cá nhân, xã hội và thể chế của hiện tượng.

Palmore (1990) đã đưa ra một hệ thống các loại hình lý thuyết cho CNTT, gồm các khía cạnh tiêu cực và tích cực. *Palmore chia định kiến thành các quan niệm và thái độ, trong khi tập hợp phân biệt đối xử được xác định là hành vi cá nhân và thể chế chính sách.* Định kiến, thành phần chính đầu tiên, như được tìm thấy trong các quan niệm, được định nghĩa là “niềm tin phóng đại hoặc sai lầm về một nhóm”, trong khi thái độ phản ánh cảm xúc về nhóm. Palmore cho rằng các quan niệm tiêu cực tạo ra thái độ tiêu cực, trong khi thái độ tiêu cực củng cố định kiến tiêu cực. Thái độ, một tập hợp con định kiến thứ hai, cũng đóng một vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy CNTT. Xác định một số thái độ chung, cả tiêu cực và tích cực, Palmore đã đề xuất một số chiến lược để thúc đẩy một sự thay đổi tích cực thái độ, trong đó cần phổ biến thông tin chính xác để xóa bỏ nhận thức không đúng về NCT. Phân biệt đối xử, phạm trù chính thứ hai của CNTT theo phân loại của Palmore, trong khi được phân loại với cả hai đặc điểm tiêu cực và tích cực, chủ yếu được quan sát là tiêu cực. Palmore (1990) đã khẳng định rằng sự phân biệt đối xử tiêu cực thường xảy ra trong các lĩnh vực việc làm, cơ quan chính phủ, nhà ở, gia đình, và chăm sóc sức khỏe.

CNTT có thể được áp dụng để phân biệt đối xử với bất kỳ nhóm tuổi nào, chẳng hạn như phân biệt đối xử với thanh thiếu niên, người cao niên. Mặc dù khái niệm về CNTT đã được công nhận trong nhiều thập kỷ, nghiên cứu về mức độ phổ biến và tác động của nó đối với NCT gần đây mới trở thành mối quan tâm chính. Levy (2001) cho rằng, khảo sát của Palmore là điểm khởi đầu để xác định hành vi của CNTT. Tuy nhiên, Levy cũng cho rằng Palmore đã bỏ qua hai công cụ đo quan trọng: bản chất ngầm của CNTT và khái niệm về tự rập khuôn/ tự định kiến. Levy định nghĩa CNTT ngầm là những ý nghĩ, cảm xúc và hành vi đối với NCT tồn tại và hoạt động mà không có nhận thức hoặc kiểm soát có ý thức, với giả định rằng nó hình thành cơ sở của hầu hết các tương tác với các cá nhân lớn tuổi hơn.

E. McGlone và F. Fitzgerald (2005) cho rằng, lão hóa là một khái niệm toàn diện hơn là phân biệt tuổi tác. Khái niệm này đề cập đến những niềm tin tiêu cực có nguồn gốc sâu xa về NCT và quá trình lão hóa, do đó, có thể dẫn đến phân biệt tuổi tác. Những niềm tin như vậy được tạo ra và củng cố về mặt xã hội, như thể chúng là một phần của các chức năng, tổ chức, thể chế, quy tắc và đời sống xã hội hàng ngày.

A. L. Chasteen, S. K. Kang và J. D. Remedios (2012) cho rằng, định kiến tuổi tác phổ biến, mặc dù có chứa một số yếu tố tích cực, nhưng chủ yếu là tiêu cực. Có vẻ như những định kiến tuổi tác được nội tâm hóa khi còn nhỏ, tác động tiêu cực đến các cá nhân khi họ cao tuổi. Những quan điểm lão hóa tiêu cực có thể biểu hiện tiềm ẩn, ảnh hưởng đến sức khỏe thể chất và tinh thần. Vì vậy, không có gì đáng ngạc nhiên khi NCT, giống như các định kiến tiêu cực khác, phải trải qua mối đe dọa định kiến. Trong trường hợp đe dọa định kiến liên quan đến tuổi tác, hậu quả được quan sát chủ yếu trong ký ức. Nhu cầu nhiệm vụ, hiệu quả của bộ nhớ và tuổi tác (trẻ so với già) cũng xác định những người bị ảnh hưởng rõ nhất bởi mối đe dọa khuôn mẫu.

A. Officera và V.Fuente-Núñez (2018) cho rằng, trẻ em dưới 4 tuổi nhận thức được các định kiến về tuổi tác của nền văn hóa. Những định kiến này chủ yếu tập trung vào các khía cạnh tiêu cực của quá trình lão hóa, trong đó gắn tuổi già với sự suy giảm không thể tránh khỏi về năng lực thể chất, tinh thần và thời kỳ phụ thuộc. Ngôn ngữ và phương tiện truyền thông, bao gồm phim ảnh, truyền hình, âm nhạc, báo in và mạng xã hội, hầu hết thường lặp lại và củng cố những định kiến này và CNTT có xu hướng trở thành chuẩn mực. Bản thân chúng ta, do nội tâm vô thức về thái độ, đã hình thành định kiến tiêu cực của xã hội đối với NCT. Điều này giải thích lý do tại sao NCT thường cố gắng duy trì sự trẻ trung, cảm thấy cần che giấu việc già đi và hạn chế bộc lộ, phát huy năng lực thay vì tự hào về thành tựu của quá trình lão hóa. Nhận thức phân biệt đối xử, cho dù dựa trên chủng tộc, giới tính hay tuổi tác, đều có những kết quả tiêu cực về sức khỏe. CNTT đã được chứng minh là có tác động đáng kể đến sự tham gia của chúng ta vào xã hội, sức khỏe và tuổi thọ. CNTT cũng đặt ra các rào cản đối với sự phát triển của các chính sách tốt về người già và sức khỏe, vì nó ảnh hưởng đến cách thức xác định vấn đề chính sách, các câu hỏi và các giải pháp được đưa ra. Trong bối cảnh này, tuổi tác thường được hiểu là sự biện minh đầy đủ cho việc đối xử bất bình đẳng với mọi người và hạn chế cơ hội đóng góp có ý nghĩa của họ. Kinh nghiệm về phân biệt giới tính và phân biệt chủng tộc đã chỉ ra rằng việc thay đổi các chuẩn mực xã hội là có thể thực hiện được và có thể dẫn đến các xã hội bình đẳng và thịnh vượng hơn. Thay đổi hiểu biết của mọi người, hành vi xã hội và quyết tâm chính trị là có thể và cần thiết để thúc đẩy quá trình già hóa khỏe mạnh.

Trong quá trình lãnh đạo cách mạng, Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng nhận thấy định kiến đối với NCT. Trong thư gửi các vị phụ lão ngày 21/9/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết: “Đây tôi lấy danh nghĩa là một người già mà nói chuyện với các cụ. Tục ngữ có câu: “Lão lai tài tận”, nghĩa là tuổi già thì tài hết, không làm được gì nữa. Mà thường các cụ phụ lão ta cũng tin như vậy. Gặp việc gì các cụ đều nói: “Lão già an chi” (người già nên ở yên). Thôi mình tuổi hạc ngày càng cao, không bay nhảy gì được nữa. Việc đời để cho con cháu bày trẻ làm. Chúng ta gần đất xa trời rồi, không cần hoạt động nữa. Tôi không tán thành ý kiến đó. Xưa nay những người yêu nước không vì tuổi già mà ngồi không. Nước ta có những người như Lý Thường Kiệt, càng già càng quả cảm, càng già càng anh hùng” (Ban Tuyên giáo Thành ủy Tp. Hồ Chí Minh, 2021). Như vậy, Bác không đồng ý với những định kiến tiêu cực về NCT, cho rằng NCT vẫn còn nhiều tiềm năng đóng góp cho xã hội.

Nguyễn Hồng Mai (2018) nhận định: ngoài những khó khăn chung, NCT nước ta còn đối diện với một số vấn đề có tính đặc thù, trong đó có yếu tố văn hóa. Nhiều người gặp cú sốc tâm lý khi chứng kiến sự biến đổi giá trị: từ chỗ đề cao giá trị cộng đồng - NCT gắn bó suốt đời với con cái, đến việc khẳng định giá trị cá nhân, cổ vũ lối sống độc lập. Một trong những nguyên nhân của hiện trạng này là từ việc biến đổi cấu trúc gia đình.

Nguyễn Trọng Nhân và cộng sự (2017) cho rằng, mức độ đáp ứng các nhu cầu của NCT đóng vai trò rất quan trọng trong việc thúc đẩy tâm trạng và cảm nhận cuộc sống của họ diễn tiến theo hướng tích cực. NCT có rất nhiều nhu cầu từ vật chất cho đến tinh thần, từ cơ bản cho đến cấp cao. Trong 27 nhu cầu của NCT được nghiên cứu, 20 nhu cầu được đánh giá ở mức đáp ứng, 6 nhu cầu ở mức không phải không đáp ứng cũng không phải đáp ứng và 1 nhu cầu ở mức chưa đáp ứng. Mức độ đáp ứng nhu cầu của NCT có sự khác biệt theo nghề nghiệp chính trước đây, loại nhà ở,

đối tượng sống cùng, điều kiện vệ sinh, phương tiện giải trí, phương tiện đi lại, nguồn sống hiện tại, tình trạng sức khỏe, mức độ thực hiện các hoạt động giải trí, hưởng thụ văn hóa và rèn luyện sức khỏe hàng ngày, loại hộ gia đình của họ.

Vũ Thị Thúy Mai (2021) nhận thấy, có các rào cản trong hoạt động thể lực trong hoạt động thể chất của NCT. 100% đối tượng trong nghiên cứu có tham gia ít nhất 01 hoạt động thể chất; 47,7% đối tượng có mức độ hoạt động thể chất đủ theo khuyến cáo. Những người chưa nhận thức được các rào cản trong hoạt động thể chất thì mức độ hoạt động thể chất chỉ bằng 0,4 lần so với người đã nhận thức được; những người có sự hỗ trợ của gia đình sẽ có mức độ hoạt động thể chất cao hơn 2,5 lần so với những người không có hoặc nhận được rất ít sự hỗ trợ từ gia đình; những người ở nông thôn có mức độ hoạt động thể chất cao hơn 6,5 lần so với những người ở thành thị; những người từ 60-70 tuổi có mức độ hoạt động thể chất cao hơn 1,9 lần so với những người >70 tuổi.

3. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng phương pháp kết hợp mẫu có chủ đích và mẫu tự nguyện, thuộc nhóm mẫu phi xác suất. Với sự hỗ trợ, cộng tác của các cộng tác viên Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình ở thành phố Hải Phòng, đường link bảng hỏi điều tra trực tuyến được gửi đến người trả lời (từ ngày 15 đến ngày 31/12/2021), từ 18 tuổi trở lên (những người tham gia khảo sát là các cá nhân trong độ tuổi trưởng thành, sẽ đưa ra nhận định về NCT) tại các quận, huyện trên toàn thành phố, nếu họ đồng ý tham gia nghiên cứu sẽ bấm vào đường link và thực hiện trả lời theo hướng dẫn. Đối với NCT và những người không có thiết bị đăng nhập hay không rành các bước trả lời trực tuyến, các điều tra viên sẽ hướng dẫn cách thao tác hay hỏi và ghi nhận câu trả lời giúp họ. Trong quá trình khảo sát trực tuyến, và làm sạch bảng hỏi, nghiên cứu thu nhận được 332 phiếu phản hồi đáp ứng được yêu cầu đặt ra. Do bối cảnh đại dịch Covid-19 ngày càng gia tăng, việc lựa chọn phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên thông qua điều tra, khảo sát trực tuyến giúp cho cuộc khảo sát có thể tiếp cận, lấy ý kiến trả lời của nhiều người trên nhiều địa bàn khác nhau có tính khả thi, khách quan hơn. Đây là phương pháp tốt nhất để chọn ra một mẫu có khả năng đại biểu cho tổng thể, trong điều kiện giãn cách xã hội do dịch bệnh hoành hành. Vì có thể tính được sai số do chọn mẫu, nên có thể áp dụng được các phương pháp ước lượng thống kê, kiểm định giả thuyết thống kê trong xử lý dữ liệu để suy rộng kết quả trên mẫu cho tổng thể chung. Tuy nhiên, phương pháp điều tra trực tuyến cũng có hạn chế là nhiều người ngại trả lời bảng hỏi vì lo sợ tính an toàn trên môi trường mạng. Kết quả thu thập được cũng cho thấy người dân đô thị ít nhiệt tình trả lời hơn người dân nông thôn, nam giới ít trả lời hơn nữ giới...

4. Kết quả khảo sát và bàn luận

Tổng quan tài liệu nghiên cứu về định kiến xã hội đối với NCT cho thấy có rất nhiều các “nhãn dán” dành cho NCT, gồm cả yếu tố tích cực và tiêu cực nhưng các nhận định tiêu cực có số lượng lớn hơn rất nhiều. Trong quá trình tương tác giữa các cá nhân, các quan niệm này được tiếp thu, hình thành phản ánh khái quát về NCT. Các quan niệm có thể chuyển hóa thành hành vi phân biệt đối xử với NCT hay không và mức độ tác động như thế nào còn phụ thuộc mức độ tiếp nhận, vai trò, vị thế của các cá nhân trong cấu trúc xã hội.

Mức độ đồng tình với các quan niệm tích cực về NCT

Trong các quan niệm về NCT, Palmore (1990) khảo sát có các quan niệm tích cực như: hiểu biết/ giàu kinh nghiệm, tốt bụng, đáng tin cậy, thanh thản/ cẩn trọng. Ở chiều ngược lại, họ cũng bị coi là những người có thể chất ốm yếu, suy giảm nhận thức, cần chăm sóc dài hạn, cố chấp/ bảo thủ, không hiệu quả, nghèo/ không kiếm ra tiền, không hứng thú với tình dục, hay cáu kỉnh/ khó tính và hạn chế trong sử dụng công nghệ/ hạn chế trong việc tiếp cận các kỹ thuật công nghệ hiện đại (J. M. Chonody and B. Teater, 2018).

Đối với mỗi nhận định người trả lời sẽ cho điểm theo mức từ 1 đến 5. Trong đó, 1 điểm = phản đối, 2 điểm = phản đối một phần, 3 = lưỡng lự, 4 = đồng ý một phần, 5 điểm = đồng ý.

Bảng 1: Thống kê mức độ đồng tình với các quan niệm tích cực về NCT xét theo nơi cư trú

Quan niệm về NCT	Nông thôn N=259	Đô thị N=73	P.overall
Giàu kinh nghiệm	3,51 (1,00)	3,89 (0,87)	0,002
Tốt bụng	3,84 (1,03)	4,27 (0,84)	<0,001
Đáng tin cậy	3,81 (1,00)	4,19 (0,97)	0,004
Cẩn trọng	3,68 (1,04)	3,96 (0,89)	0,022

Nguồn: Kết quả khảo sát của tác giả, năm 2021.

Theo số liệu trên, người trả lời *đồng tình rất cao* với các nhận định tích cực về NCT ở cả khu vực thành thị và nông thôn nhưng *mức điểm trung bình chung của người đô thị cao hơn phản ánh sự đồng tình với các quan niệm tích cực cao hơn ở đô thị*. Đối với nhận định về NCT thì “Giàu kinh nghiệm” được đánh giá ở khu vực nông thôn mức trung bình 3,51 điểm, khu vực đô thị 3,89 điểm, cao hơn mức điểm trung bình ở nông thôn, có nghĩa người trả lời nghiêng về xu hướng đồng tình với nhận định NCT gắn với sự hiểu biết. P value = 0,002, có ý nghĩa thống kê. Tương tự như vậy, với các nhận định về khuôn mẫu tốt bụng, đáng tin cậy, cẩn trọng theo khu vực nông thôn và đô thị người trả lời đều có xu hướng đồng tình tương đối cao, riêng nhận định NCT tốt bụng, đáng tin cậy tại khu vực đô thị lần lượt là 4,27 và 4,19 điểm, thể hiện sự đồng tình cao, với chỉ số P value đều có ý nghĩa thống kê.

Phân theo nhóm tuổi, liệu có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê trong đánh giá giữa các độ tuổi khác nhau không? Mỗi một phân tích theo các nhóm tuổi có thể xem là một kiểm định so sánh. Ở đây, nghiên cứu thực hiện kiểm định nhiều so sánh (multiple comparisons). Mỗi kiểm định chúng ta chấp nhận một xác suất sai lầm là 0,05. Nói cách khác, chúng ta có xác suất đúng là 0,95. Theo 5 nhóm tuổi thực hiện 5 so sánh, xác suất mà chúng ta đúng cả 5 là: $0,95 \times 0,95 \times 0,95 \times 0,95 \times 0,95 = 0,7737$. Như vậy, xác suất có ít nhất một sai lầm trong 5 tuyên bố “có ý nghĩa thống kê” là: $1 - 0,7737 = 0,2263$ (tức khoảng 22,6%).

Bảng 2: Thống kê mức độ đồng tình với các quan niệm tích cực về NCT xét theo nhóm tuổi

Quan niệm về NCT	Tuổi<30 N=65	Tuổi<40 N=117	Tuổi<50 N=47	Tuổi<60 N=32	Tuổi>=60 N=71	P.overall
Giàu kinh nghiệm	3,57 (1,07)	3,62 (0,93)	3,64 (1,01)	3,50 (0,84)	3,56 (1,07)	0,964
Tốt bụng	4,05 (0,98)	3,97 (0,97)	4,15 (0,93)	3,62 (1,10)	3,77 (1,06)	0,095
Đáng tin cậy	3,89 (1,05)	3,96 (0,94)	4,11 (1,01)	3,72 (0,96)	3,75 (1,08)	0,282
Cẩn trọng	3,74 (1,09)	3,74 (0,98)	3,91 (0,97)	3,47 (1,02)	3,73 (1,04)	0,454

Nguồn: Kết quả khảo sát của tác giả, năm 2021.

Nhìn chung, mức độ đồng tình với các nhận định tích cực về NCT tính theo nhóm tuổi đều cao, hầu hết có điểm trung bình chung từ 3,50 điểm trở lên. Tuy nhiên, 2 nhóm tuổi cao nhất - nhóm từ 50 tuổi đến dưới 60 tuổi và nhóm trên 60 tuổi - dường như có mức đánh giá không tích cực bằng các nhóm trẻ tuổi hơn còn lại. P overall của các nhận định “giàu kinh nghiệm”, “đáng tin cậy” và “cẩn trọng” đều lớn hơn 0,2263, không có ý nghĩa thống kê. Riêng P overall = 0,095 < 0,2263, thể hiện có ý nghĩa thống kê.

Đánh giá các quan niệm tích cực về NCT theo giới tính: Theo số liệu bảng 3, mức độ đồng tình với các quan niệm tích cực về NCT của nữ cao hơn nam giới, trong đó đánh giá cao hơn ở tiêu chí “tốt bụng” và “đáng tin cậy”, xấp xỉ mức 4 điểm.

Bảng 3: Thống kê các quan niệm tích cực về NCT xét theo giới tính

Quan niệm về NCT	Nam N=107	Nữ N=224	Khác N=1	P.overall
Giàu kinh nghiệm	3,57 (1,00)	3,60 (0,98)	4,00 (.)	0,891
Tốt bụng	3,76 (1,04)	4,02 (0,98)	4,00 (.)	0,087
Đáng tin cậy	3,79 (1,06)	3,95 (0,98)	4,00 (.)	0,436
Cần trọng	3,74 (1,02)	3,74 (1,02)	4,00 (.)	0,967

Nguồn: Kết quả khảo sát của tác giả, năm 2021.

Có thể thấy, dù nhìn nhận theo tiêu chí nào, nơi cư trú, nhóm tuổi và giới tính thì điểm chung trong các bảng số liệu trên đều minh họa mức độ đánh giá cao về các quan niệm tích cực dành cho NCT.

Mức độ đồng tình với các quan niệm tiêu cực về NCT

Số lượng các quan niệm tiêu cực về NCT, theo các nghiên cứu trong tổng quan, vượt trội so với quan niệm tích cực. NCT thường bị gán với các quan niệm ốm yếu, suy giảm nhận thức, cần chăm sóc y tế, bảo thủ... Bảng 4 minh họa mức độ đồng tình với các quan niệm tiêu cực, xét theo nơi cư trú.

Bảng 4: Thống kê các quan niệm tiêu cực về NCT xét theo nơi cư trú

Quan niệm về NCT	Nông thôn N=259	Đô thị N=73	P.overall
Ốm yếu	3,35 (1,09)	3,63 (1,12)	0,062
Suy giảm nhận thức	3,35 (1,09)	3,56 (1,17)	0,171
Cần chăm sóc y tế	3,52 (1,15)	3,88 (1,05)	0,014
Bảo thủ	2,91 (1,20)	3,14 (1,18)	0,147
Gánh nặng xã hội	2,19 (1,24)	2,01 (1,17)	0,277
Không kiếm ra tiền	2,59 (1,21)	2,44 (1,21)	0,357
Không hứng thú tình dục	3,15 (1,20)	3,11 (1,31)	0,793
Khó tính	2,92 (1,20)	2,84 (1,31)	0,611
Hạn chế trong việc tiếp cận các kỹ thuật công nghệ hiện đại	3,21 (1,21)	3,33 (1,26)	0,483

Nguồn: Kết quả khảo sát của tác giả, năm 2021.

Người trả lời có xu hướng đồng tình với các quan niệm về NCT (cả khu vực nông thôn và thành thị) là ốm yếu, suy giảm nhận thức, cần chăm sóc dài hạn, không hứng thú tình dục và hạn chế trong việc tiếp cận các kỹ thuật công nghệ hiện đại, nhưng mức độ không cao, điểm trung bình chung trên 3 điểm. Người sống tại khu vực nông thôn, nhìn chung có mức độ đồng tình thấp hơn người cư trú tại đô thị, trừ nhận định không hứng thú với tình dục có mức khác biệt không đáng kể.

Với riêng các nhận định thì sự khác biệt giữa nông thôn và thành thị trong ý kiến đánh giá đều không có khác biệt mang ý nghĩa thống kê theo địa bàn cư trú, ngoại trừ nhận định “cần chăm sóc dài hạn” với P value = 0,014, có ý nghĩa thống kê.

Đối với các nhận định về NCT như khó tính, không kiếm ra tiền, không hiệu quả/ gánh nặng cho xã hội, bảo thủ, người trả lời có xu hướng phản đối, không đồng tình và người dân sống ở nông thôn có xu hướng phản đối cao hơn một chút so với người dân đô thị, ngoại trừ ở tiêu chí “bảo thủ”, người dân nông thôn phản đối một phần, trong khi người dân đô thị đồng ý một phần, dấu sự khác biệt không nhiều, gần với mức 3 điểm, lưỡng lự. Sự khác biệt trong mỗi tiêu chí đánh giá đều có P value không có ý nghĩa thống kê theo nơi cư trú.

Bảng 5: Thống kê các quan niệm tiêu cực về NCT xét theo nhóm tuổi

Quan niệm về NCT	Tuổi<30 N=65	Tuổi<40 N=117	Tuổi<50 N=47	Tuổi<60 N=32	Tuổi>60 N=71	P.overall
Ôm yếu	3,17 (1,19)	3,48 (1,08)	3,68 (0,91)	3,44 (1,11)	3,34 (1,15)	0,152
Suy giảm nhận thức	3,14 (1,27)	3,44 (1,00)	3,68 (1,00)	3,47 (1,19)	3,34 (1,13)	0,129
Cần chăm sóc y tế	3,43 (1,24)	3,61 (1,08)	3,96 (0,98)	3,72 (1,11)	3,45 (1,20)	0,104
Bảo thủ	2,34 (1,12)	3,02 (1,15)	3,06 (1,26)	3,19 (1,15)	3,25 (1,16)	<0,001
Gánh nặng xã hội	1,62 (1,00)	2,00 (1,21)	2,13 (1,19)	2,50 (1,19)	2,73 (1,22)	<0,001
Không kiếm ra tiền	2,17 (1,19)	2,53 (1,17)	2,51 (1,27)	2,75 (1,22)	2,89 (1,15)	0,011
Không hứng thú tình dục	3,17 (1,27)	3,05 (1,20)	3,17 (1,34)	3,22 (0,94)	3,23 (1,27)	0,886
Khó tính	2,51 (1,29)	2,91 (1,19)	2,98 (1,28)	3,12 (1,13)	3,10 (1,9)	0,043
Hạn chế trong việc tiếp cận các kỹ thuật công nghệ hiện đại	3,02 (1,37)	3,29 (1,16)	3,23 (1,37)	3,22 (1,01)	3,37 (1,16)	0,533

Nguồn: Kết quả khảo sát của tác giả, năm 2021.

Quan niệm tiêu cực về NCT theo nhóm tuổi: Số liệu bảng 5 cho thấy, tất cả các nhóm tuổi có xu hướng đồng tình với các nhận định về NCT ốm yếu, suy giảm nhận thức, cần chăm sóc y tế dài hạn, không hứng thú tình dục và hạn chế trong việc tiếp cận các kỹ thuật công nghệ hiện đại với mức điểm trung bình chung > 3. Ở chiều ngược lại, người trả lời, dù ở nhóm tuổi nào cũng có xu hướng không đồng tình NCT là gánh nặng cho xã hội, không kiếm ra tiền, trong đó nhóm dưới 40 tuổi có mức độ không đồng tình với quan niệm NCT là gánh nặng xã hội mạnh hơn các nhóm tuổi khác. Về quan niệm “bảo thủ”, nhóm tuổi < 30 thể hiện sự không đồng tình rõ hơn, trong khi các nhóm tuổi khác lưỡng lự (điểm trung bình xấp xỉ 3). Quan niệm NCT “khó tính”: các nhóm tuổi dưới 50 có xu hướng phản đối và nhóm từ 50 trở lên có xu hướng đồng tình, dù sự khác biệt không nhiều. Phần lớn các quan niệm trên phân theo nhóm tuổi đều có ý nghĩa thống kê, với P overall < 0,226 (tính theo 5 nhóm tuổi), ngoại trừ quan niệm “không hứng thú tình dục” và “hạn chế trong việc tiếp cận các kỹ thuật công nghệ hiện đại”.

Bảng 6: Thống kê các quan niệm tiêu cực về NCT xét theo giới tính

Quan niệm về NCT	Nam N=107	Nữ N=224	Khác N=1	P.overall
Ôm yếu	3,28 (1,14)	3,48 (1,08)	3,00 (.)	0,293
Suy giảm nhận thức	3,36 (1,15)	3,42 (1,10)	3,00 (.)	0,831
Cần chăm sóc y tế	3,45 (1,18)	3,67 (1,12)	4,00 (.)	0,240
Bảo thủ	2,92 (1,24)	2,98 (1,18)	3,00 (.)	0,908
Gánh nặng xã hội	2,28 (1,26)	2,08 (1,20)	2,00 (.)	0,395
Không kiếm ra tiền	2,60 (1,19)	2,54 (1,22)	1,00 (.)	0,402
Không hứng thú tình dục	3,20 (1,19)	3,13 (1,23)	1,00 (.)	0,191
Khó tính	2,99 (1,22)	2,86 (1,23)	3,00 (.)	0,668
Hạn chế trong việc tiếp cận các kỹ thuật công nghệ hiện đại	3,26 (1,18)	3,23 (1,25)	2,00 (.)	0,587

Nguồn: Kết quả khảo sát của tác giả, năm 2021.

Quan niệm tiêu cực về NCT theo giới tính: đa số các ý kiến đánh giá, dù nam hay nữ, có xu hướng đồng tình với các quan niệm tiêu cực về NCT, với điểm trung bình chung từ xấp xỉ 3 trở lên, ngoại trừ việc cho rằng NCT là “gánh nặng xã hội” và “không kiếm ra tiền”. Các quan niệm về NCT “ôm yếu”, “suy giảm nhận thức”, “cần chăm sóc y tế dài hạn”, “bảo thủ” thì nữ có mức độ đồng tình cao hơn nam, trong khi đó các quan niệm còn lại nam có mức độ đồng tình cao hơn nữ, dù mức độ khác biệt trong đánh giá không nhiều.

Bàn luận kết quả nghiên cứu: trong văn hóa truyền thống nước ta, NCT luôn được tôn trọng, đề cao với những giá trị như nhân hậu, hiểu biết, bao dung, đạo đức, nhiều kinh nghiệm. Các thế hệ cha mẹ, thầy cô giáo luôn dạy thế hệ sau: “Kính lão đắc thọ”, “Kính trên, nhường dưới”, “Kính già, yêu trẻ”, “Kính già, già để tuổi cho”; “Khôn đâu đến trẻ, khỏe đâu đến già”... Phát biểu của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng tại cuộc gặp mặt các đại biểu dự Đại hội lần thứ VI Hội Người cao tuổi Việt Nam nêu bật vai trò quan trọng của NCT trong xã hội: “NCT đã từng trải, tích lũy được nhiều kinh nghiệm phong phú trong cuộc sống, trong thực tiễn sản xuất, chiến đấu, am hiểu sâu sắc về văn hoá, ứng xử trong cộng đồng, dòng họ, gia đình. Trong lịch sử phát triển của dân tộc ta, NCT có nhiều đóng góp to lớn cả trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước” (Báo Điện tử Chính phủ, 2022).

Trong xã hội bận rộn hiện nay, mức độ tương tác giữa các cá nhân với NCT, giảm cả về chất lượng và số lượng, nên các cá nhân không có đủ thời gian và sự thấu hiểu NCT. Đối với những người trẻ tuổi, ngoài dành thời gian cho công việc, họ thường giải trí với bạn bè, tiếp cận thông tin trên các phương tiện truyền thông xã hội như Facebook, Zalo, Instagram... Nói cách khác, do đặc thù công việc, lối sống hiện nay, những người trẻ ít dành thời gian cho NCT, các tương tác xã hội ảo trên không gian mạng chiếm nhiều thời gian của họ hơn, các tương tác thực với NCT giảm cả về số lượng và chất lượng.

Việc thiết kế, bố trí không gian sống hiện nay cũng làm giảm sự kết nối, tương tác liên thế hệ. Nếu như trong xã hội truyền thống, mỗi gia đình có nhiều không gian sinh hoạt chung khiến sự kết nối thế hệ tốt hơn, thì nay các ngôi nhà được thiết kế theo hướng dành nhiều không gian riêng tư

hơn cho các thành viên, khiến mức độ liên kết giảm đi. Nhìn rộng ra, lối sống đô thị ngày càng phổ biến, các gia đình tại khu dân cư ngày càng trở nên biệt lập, khiến việc giao tiếp với NCT cả trong gia đình, họ hàng và ngoài xã hội bị hạn chế. Việc tiếp xúc với NCT ngày càng giảm và cũng chỉ dừng lại ở những lời chào hỏi xã giao bên ngoài khó chạm đến chiều sâu, ngưỡng thấu hiểu, chia sẻ giữa các thế hệ. Đây có thể là nguyên nhân quan trọng khiến cho các thế hệ trẻ chưa có cái nhìn đầy đủ về NCT.

Do diễn biến của dịch Covid-19 ngày càng phức tạp trong thời gian tương đối dài, việc giãn cách xã hội với lý do y tế khiến cho các mối quan hệ, tương tác xã hội bị gián đoạn, đứt gãy, đặc biệt là với yêu cầu bảo vệ NCT, người có bệnh nền. Do đó, sự thấu hiểu, gắn kết liên thế hệ bị ảnh hưởng tiêu cực.

Trong xã hội hiện đại, với xu hướng gia tăng tỷ lệ gia đình hạt nhân, cùng với đó là việc thu hẹp dần mô hình gia đình truyền thống nhiều thế hệ và mức độ di cư cao, nhiều NCT sống ở quê, thanh niên trẻ, lập gia đình, sinh sống tại đô thị, thỉnh thoảng mới về thăm quê và có tiếp xúc, tương tác với NCT trong gia đình, họ hàng, làng xóm, nên sự kết nối, tiếp xúc với NCT tại đây giảm dần. Nói cách khác, mức độ tương tác xã hội liên thế hệ chưa đủ mạnh để góp phần hình thành định kiến xã hội đối với NCT (dù là tích cực hay tiêu cực).

5. Kiến nghị chính sách

Cũng giống như định kiến giới, việc tiếp cận với các khuôn mẫu về NCT trong quá trình xã hội hóa cá nhân đến từ truyền thông, giáo dục, tương tác xã hội... Để giảm thiểu định kiến, hướng đến phát huy tính tích cực của NCT, chúng ta cần thực hiện đồng bộ các giải pháp chính sách.

Thứ nhất, trong giáo dục cần tránh miêu tả NCT với những hình ảnh tiêu cực như ông bà tóc bạc, lưng còng... Nói cách khác, trong bối cảnh mới các bài học dành cho các em học sinh, cần phản ánh đúng thực tế đa dạng về NCT.

Thứ hai, hiện nay các nghiên cứu về NCT chủ yếu tập trung vào “bệnh tuổi già”, thiếu đi các nghiên cứu từ các hướng tiếp cận đa dạng, do đó, cũng vô hình trung khắc họa NCT gắn với bệnh tật. Cần khuyến khích các nghiên cứu đa dạng, đầy đủ về NCT. Với số lượng NCT chiếm tỷ lệ ngày càng lớn trong cơ cấu dân số, các nghiên cứu này ngày càng quan trọng, thiết thực.

Thứ ba, trong truyền thông cần kiểm soát chặt, xử phạt các hành vi đưa tin không đúng về NCT, như các chương trình quảng cáo thuốc, sản phẩm chức năng thường miêu tả NCT với hình ảnh ốm đau, yếu ớt, nhiều bệnh...

Thứ tư, bên cạnh việc chú trọng các chính sách chăm sóc, phụng dưỡng NCT, chúng ta cần chú ý đến các chính sách phát huy năng lực NCT, triển khai chính sách trong thực tiễn.

Thứ năm, việc phát huy năng lực, sở trường NCT cần thực chất, tránh làm hình thức. Nhiều địa phương mặc định NCT làm nhiều công việc “vác tù và hàng tổng” mà chưa thực sự căn cứ trên năng lực, kinh nghiệm và sở trường của từng NCT.

Có thể thấy NCT là nhóm dân số có sự đa dạng về sức khỏe thể chất, tinh thần, nhu cầu, hoàn cảnh và năng lực, sở trường. Do đó, việc nhận định về họ không thể dừng lại ở một vài định kiến hạn hẹp, khô cứng, ảnh hưởng đến việc thụ hưởng các quyền của mỗi cá nhân, ngăn cản NCT phát huy năng lực, đóng góp cho sự phát triển xã hội.

Tài liệu tham khảo

Alana Officer and Vânia de la Fuente-Núñez. (2018). A global campaign to combat ageism. *Bull World Health Organ.* 96(4).

Alan Walker. (2008). Commentary: The Emergence and Application of Active Aging in Europe. *Journal of Aging & Social Policy.* Volume 21- Issue 1.

Alison L. Chasteen, Sonia K. Kang and Jessica D. Remedios. (2012). Aging and Stereotype Threat: Development, Process, and Interventions. <https://oxford.universitypressscholarship.com/view/10.1093/acprof:oso/9780199732449.001.0001/acprof-9780199732449-chapter-013>

Ban Tuyên giáo Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh. (01/10/2021), Người cao tuổi là tài sản, là vốn quý của dân tộc. *Trang tin điện tử Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh*. <https://www.hcmcpv.org.vn/tin-tuc/nguoi-cao-tuoi-la-tai-san-la-von-quy-cua-dan-toc-1491885135>

Báo Chính phủ. (2022). Toàn văn phát biểu của Tổng Bí thư tại cuộc gặp mặt đại biểu người cao tuổi, <https://baochinhphu.vn/toan-van-phat-bieu-cua-tong-bi-thu-tai-cuoc-gap-mat-dai-bieu-nguoi-cao-tuoi-102220114084816283.htm3>

Boundless Sociology. Challenges of Aging. <https://www.coursehero.com/study-guides/boundless-sociology/challenges-of-aging/>

Cumming E. & Henry W. (1961). *Growing Old: The Process of Disengagement*. Basic Books. New York. Reprint: Arno, New York, 1979, ISBN 0405 118147.

EU. (2018/5/29). Fundamental Rights Report 2018. <http://fra.europa.eu/en/publication/2018/fundamental-rights-report-2018>

Hiếu Giang. (17/7/2017). Hội thảo Quốc tế Thích ứng với Già hóa dân số. *Tạp chí Cộng sản*. <https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/hoat-ong-cua-lanh-ao-ang-nha-nuoc/-/2018/45928/hoi-thao-quoc-te-thich-ung-voi-gia-hoa-dan-so.aspx>

ILO. (1967). Convention C128 - Invalidity, Old-Age and Survivors' Benefits Convention. (No. 128). https://www.ilo.org/dyn/normlex/de/f?p=NORMLEXPUB:12100:0::NO::P12100_INSTRUMENT_ID:312273

Iversen, T.N., Larsen, L., Solem, P.E. (2009). A conceptual analysis of ageism, *Nord. Psychol.* 61.

J. M. Chonody and B. Teater. (2018). Social Work Practice with Older Adults: An Actively Aging Framework for Practice. *The British Journal of Social Work*. Volume 48. Issue 4, 1127-1128, https://uk.sagepub.com/sites/default/files/upm-assets/90251_book_item_90251.pdf

Levy, B.R. (2001). Eradication of ageism requires addressing the enemy within. *The Gerontologist*. 41.

McGlone, E., and Fitzgerald, F. (2005). Perceptions of Ageism in Health and Social Services in Ireland. http://www.ncaop.ie/publications/research/reports/85_Ageism.pdf

Nguyễn Hồng Mai. (2018). Người cao tuổi ở Việt Nam trong bối cảnh biến đổi cấu trúc gia đình. *Nghiên cứu Văn hóa*. <http://huc.dspace.vn/handle/DHVVH/5523>

Nguyễn Trọng Nhân và cộng sự. (2017). Mức độ đáp ứng nhu cầu của người cao tuổi ở tỉnh Bến Tre, *Khoa học Trường Đại học Cần Thơ*. Số 51.

Palmore, E.B. (1990). *Ageism, Negative and Positive*. New York: Springer Publishing Company.

Palmore. (1990). *Ageism, Negative and Positive*. New York: Springer Publishing Company.

Palmore, E.B. (2001). The ageism survey: First findings. *The Gerontologist*. 41.

Tổng cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình. (2021). Nghị quyết số 21-NQ/TW, <http://gopfp.gov.vn/tin-chi-tiet/-/chi-tiet/noi-dung-chinh-cua-nghi-quyet-21-nq-tw-ve-cong-tac-dan-so-trong-tinh-hinh-moi-7991-1.html>

Tổng cục Thống kê. (19/12/2019). Thông cáo báo chí kết quả Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019. <https://www.gso.gov.vn/su-kien/2019/12/thong-cao-bao-chi-ket-qua-tong-dieu-tra-dan-so-va-nha-o-nam-2019/>

UN Committee on Economic, Social and Cultural Rights (CESCR). (1995/12/8). General Comment No. 6: The Economic, Social and Cultural Rights of Older Persons. E/1996/22, <https://www.refworld.org/docid/4538838f11.html>

UNFPA. (2012). *Báo cáo tóm tắt Già hoá trong Thế kỷ 21: Thành tựu và Thách thức*.

United Nations. (1982/26/7-6/8), First World Assembly on Ageing, vienna. <https://www.un.org/en/conferences/ageing/vienna1982#:~:text=The%20World%20Assembly%20on%20Ageing,to%20contribute%20to%20national%20development>

Quốc hội khoá XII. (2019). Luật Người cao tuổi. kỳ họp thứ 6, số 39/2009/QH12 ngày 23/11/2009.

Vũ Thị Thúy Mai. (2021). Thực trạng và một số yếu tố liên quan đến hoạt động thể chất ở người cao tuổi tăng huyết áp tại Nam Định. *Khoa học Điều dưỡng*. t.4. Số 2.